



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ AIA (VIỆT NAM)
BẢNG MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
AN VUI TRỌN VẸN - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

An Vui Trọn Vẹn - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao - Sự kết hợp linh hoạt giữa bảo vệ và tiết kiệm, giúp bạn yên tâm hoạch định và thực hiện kế hoạch tài chính một cách hiệu quả.

Những ưu điểm nổi bật của An Vui Trọn Vẹn - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao.

❖ **Tiết kiệm hiệu quả**

- ✓ Gia tăng tài khoản với khoản Thường duy trì hợp đồng vào ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10, 15 và 20.
- ✓ Khách hàng sẽ được hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và sẽ không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

❖ **Bảo vệ tài chính trọn đời và toàn diện trước những rủi ro ốm đau hoặc tai nạn**

- ✓ Bảo vệ trước những rủi ro không lường trước được trong cuộc sống như: Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn, Ung thư, tử vong.
- ✓ Tặng Số tiền bảo hiểm vào các thời điểm kết hôn và sinh con mà không cần bằng chứng sức khỏe, tài chính.
- ✓ Lựa chọn tham gia các quyền lợi bảo hiểm bổ sung trước các rủi ro bệnh hiểm nghèo, chăm sóc sức khỏe, thương tật do tai nạn.

❖ **Linh hoạt đáp ứng nhu cầu**

- ✓ Linh hoạt đầu tư thêm hoặc rút tiền trong những trường hợp cần thiết.



AN VUI TRỌN VẸN

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 1 | 14

Dãy số kiểm tra



TRANG THÔNG TIN CƠ BẢN

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 3.224,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777.

II. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Bên mua bảo hiểm	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
	Nguyễn Văn A	Nam	70	Văn Phòng

III. THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: đồng

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm
Sản phẩm chính An Vui Trọn Vẹn - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao	Nguyễn Văn A	30	Nam	Văn Phòng	70	70	1.000.000.000	20.000.000
<i>Sản phẩm bổ sung (*)</i> ---Không tham gia sản phẩm bổ sung--- <i>Tổng phí sản phẩm bổ sung</i>								

Định kỳ đóng phí

Phí bảo hiểm cơ bản

Phí bảo hiểm các sản phẩm bổ sung

Tổng phí bảo hiểm định kỳ

Phí tích lũy dự kiến

Năm

20.000.000

-

20.000.000

-

Nửa năm

-

-

-

-

Quý

-

-

-

-

Tháng

-

-

-

-

Lưu ý: Phí tích lũy dự kiến cho năm đầu. Phí tích lũy cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang minh họa của sản phẩm chính.

Trong 4 năm hợp đồng đầu tiên, Phí bảo hiểm cơ bản đã chọn là mức phí tối thiểu của sản phẩm bảo hiểm chính và phải được đóng đầy đủ.

(*) Thời hạn đóng phí và thời hạn bảo hiểm của sản phẩm bổ sung sẽ phụ thuộc vào điều khoản về tái tục.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 14

Dãy số kiểm tra



IV. THÔNG TIN SẢN PHẨM CHÍNH:

A. Quyền lợi bảo hiểm

1. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro

1.1 Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm tử vong: Công ty sẽ chi trả Giá trị tài khoản hợp đồng cộng với Số tiền bảo hiểm hiện tại trừ đi quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

1.2 Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm tử vong do Tai nạn trước khi đạt tuổi 65: Ngoài quyền lợi khi NĐBH tử vong, khách hàng sẽ nhận được thêm 100% STBH hiện tại nếu NĐBH tử vong do tai nạn trước khi tròn 65 tuổi nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện liên quan đến quyền lợi tử vong do tai nạn được quy định trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm. Tổng quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một Người được bảo hiểm được hưởng bao gồm cả Quyền lợi được hưởng thêm này không vượt quá hạn mức tối đa theo quy định nêu tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

1.3 Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm bị Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) trước khi đạt tuổi 70: Công ty sẽ chi trả Giá trị tài khoản hợp đồng và Số tiền bảo hiểm hiện tại trừ đi quyền lợi bảo hiểm khi mắc bệnh Ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

1.4 Quyền lợi hỗ trợ tài chính khi Người được bảo hiểm mắc bệnh Ung thư trước khi đạt tuổi 65: Công ty sẽ chi trả 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại. Tổng quyền lợi bảo hiểm liên quan đến bệnh hiểm nghèo và bệnh ung thư của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm với AIA mà một NĐBH được hưởng, bao gồm cả quyền lợi ung thư theo sản phẩm này không vượt quá hạn mức tối đa tối đa theo quy định nêu tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

2. Quyền lợi khi đáo hạn hợp đồng: Công ty sẽ chi trả cho khách hàng toàn bộ Giá trị tài khoản hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn.

3. Thưởng duy trì hợp đồng: Vào ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ mười, một khoản Thưởng duy trì hợp đồng tương đương với 100% Tổng số tiền tính thưởng sẽ được phân bổ vào GTTK cơ bản. Tương tự, vào các ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 15 và 20, khoản Thưởng duy trì hợp đồng sẽ tương đương với 10% Tổng số tiền tính thưởng. Để được hưởng quyền lợi này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện liên quan đến quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng được quy định trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm. Tổng số tiền tính thưởng là tổng khoản lãi cộng dồn được tính tại ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 6 đến ngày kỷ niệm thứ 10 trong đó khoản lãi của mỗi năm hợp đồng này sẽ được tính bằng 50% khoản lãi được tích lũy vào GTTK cơ bản trong vòng 5 năm trước đó.

4. Quyền lợi đầu tư: Bên mua bảo hiểm được hưởng lãi hàng tháng trên Giá trị tài khoản theo mức lãi suất do Công ty công bố định kỳ. Tiền lãi sẽ được cộng dồn vào Giá trị tài khoản.

5. Các quyền lợi khác:

5.1 Quyền thay đổi Số tiền bảo hiểm:

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu thay đổi Số tiền bảo hiểm hiện tại vào bất kỳ lúc nào sau khi hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 2 năm và trước khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65. Việc thay đổi Số tiền bảo hiểm sẽ có hiệu lực vào ngày kỷ niệm tháng sau ngày Công ty chấp thuận bằng văn bản yêu cầu của Bên mua bảo hiểm.

5.2 Quyền đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con):

Sau khi hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 2 năm và trước khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm lên đến 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại cho mỗi sự kiện kết hôn hoặc sinh con trong vòng 90 ngày kể từ ngày diễn ra sự kiện này, mà không cần thăm định sức khỏe. Quyền lợi này áp dụng cho hợp đồng được phát hành ở điều kiện chuẩn. Tối đa là 2 sự kiện trong suốt thời hạn hợp đồng. Tổng Số tiền bảo hiểm tăng thêm của hai lần không vượt quá 500 triệu đồng.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 3 | 14
Dãy số kiểm tra



5.3 Quyền chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm nâng cao sang Quyền lợi bảo hiểm cơ bản.

- Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm nâng cao sang Quyền lợi bảo hiểm cơ bản với Số tiền bảo hiểm hiện tại không đổi vào bất kỳ Ngày kỷ niệm hợp đồng sau khi hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 2 năm và trước khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65.
- Quyền chuyển đổi này được áp dụng 1 lần trong suốt thời hạn hợp đồng. Việc chuyển đổi sẽ có hiệu lực vào Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau khi Công ty chấp thuận bằng văn bản theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm.

5.4 Quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản hoặc Giá trị tài khoản tích lũy sau khi hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 2 năm.

Lưu ý:

- Vui lòng tham khảo thêm các loại trừ bảo hiểm trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm.
- Trường hợp Người được bảo hiểm tử vong hoặc TTTB&VV dưới 4 (bốn) tuổi, Số tiền bảo hiểm hiện tại sẽ được điều chỉnh như sau:

Tuổi của Người được bảo hiểm vào thời điểm tử vong hoặc bị TTTB&VV	Số tiền bảo hiểm được điều chỉnh
Dưới 1 tuổi	20% Số tiền bảo hiểm
Từ 1 tuổi đến dưới 2 tuổi	40% Số tiền bảo hiểm
Từ 2 tuổi đến dưới 3 tuổi	60% Số tiền bảo hiểm
Từ 3 tuổi đến dưới 4 tuổi	80% Số tiền bảo hiểm
Từ 4 tuổi trở lên	100% Số tiền bảo hiểm

B. Các loại chi phí

1. Chi phí bảo hiểm rủi ro: là chi phí dùng để chi trả Quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Mức chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ căn cứ theo giới tính, tuổi của Người được bảo hiểm và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm. Chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản.

2. Chi phí ban đầu: là chi phí khấu trừ trước khi phí bảo hiểm được phân bổ vào tài khoản. Mức chi phí này thay đổi theo Năm đóng phí.

Năm đóng phí	1	2	3	4	5+
Phí bảo hiểm cơ bản	90%	80%	30%	20%	1.5%
Phí tích lũy	0%	0%	0%	0%	0%

3. Chi phí quản lý hợp đồng: chi phí dùng để duy trì và cung cấp thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Hiện tại, mức chi phí này là 30.000 đồng/tháng (360.000 đồng/năm). Mức chi phí này có thể thay đổi nhưng tối đa là 60.000 đồng/tháng.

4. Chi phí quản lý quỹ: chi phí dùng để quản lý hoạt động của Quỹ liên kết chung. Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm.

5. Chi phí hủy bỏ hợp đồng: Không có

6. Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản: Không có

7. Tỷ suất đầu tư dự kiến: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu 5%/năm trong 2 năm hợp đồng đầu tiên, 2 năm hợp đồng tiếp theo là 4.5%/năm; từ năm hợp đồng thứ 5 đến năm hợp đồng thứ 8 lần lượt là 4%/năm; 3.5%/năm; 3%/năm; 2.5%/năm và bằng 2%/năm từ năm hợp đồng thứ 9 trở đi. Công ty thực

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 14

Dãy số kiểm tra



hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế, có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.

Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

Bảng minh họa mẫu

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 14
Dãy số kiểm tra



BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ AN VUI TRỌN VẸN – QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Phí bảo hiểm cơ bản	Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Phí tích lũy	Phí bảo hiểm được phân bổ	Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng
1	30	20.000	20.000			2.000	18.000	2.230	360
2	31	20.000	20.000			4.000	16.000	2.240	360
3	32	20.000	20.000			14.000	6.000	2.300	360
4	33	20.000	20.000			16.000	4.000	2.410	360
5	34	20.000	20.000			19.700	300	2.540	360
6	35	20.000	20.000			19.700	300	2.670	360
7	36	20.000	20.000			19.700	300	2.770	360
8	37	20.000	20.000			19.700	300	2.910	360
9	38	20.000	20.000			19.700	300	3.060	360
10	39	20.000	20.000			19.700	300	3.220	360
11	40	20.000	20.000			19.700	300	3.370	360
12	41	20.000	20.000			19.700	300	3.530	360
13	42	20.000	20.000			19.700	300	3.730	360
14	43	20.000	20.000			19.700	300	3.960	360
15	44	20.000	20.000			19.700	300	4.270	360
16	45	20.000	20.000			19.700	300	4.560	360
17	46	20.000	20.000			19.700	300	4.890	360
18	47	20.000	20.000			19.700	300	5.430	360
19	48	20.000	20.000			19.700	300	5.970	360
20	49	20.000	20.000			19.700	300	6.460	360
21	50	20.000	20.000			19.700	300	7.430	360

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 6 | 14
Dãy số kiểm tra



BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ AN VUI TRỌN VẸN – QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Phí bảo hiểm cơ bản	Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Phí tích lũy	Phí bảo hiểm được phân bổ	Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng
22	51	20.000	20.000			19.700	300	8.190	360
23	52	20.000	20.000			19.700	300	9.410	360
24	53	20.000	20.000			19.700	300	10.460	360
25	54	20.000	20.000			19.700	300	11.490	360
26	55	20.000	20.000			19.700	300	13.260	360
27	56	20.000	20.000			19.700	300	14.430	360
28	57	20.000	20.000			19.700	300	16.050	360
29	58	20.000	20.000			19.700	300	17.380	360
30	59	20.000	20.000			19.700	300	18.170	360
31	60	20.000	20.000			19.700	300	19.810	360
32	61	20.000	20.000			19.700	300	21.030	360
33	62	20.000	20.000			19.700	300	22.450	360
34	63	20.000	20.000			19.700	300	24.870	360
35	64	20.000	20.000			19.700	300	27.320	360
36	65	20.000	20.000			19.700	300	30.860	360
37	66	20.000	20.000			19.700	300	34.210	360
38	67	20.000	20.000			19.700	300	35.230	360
39	68	20.000	20.000			19.700	300	36.270	360
40	69	20.000	20.000			19.700	300	40.770	360
41	70	20.000	20.000			19.700	300	44.170	360
42	71	20.000	20.000			19.700	300	42.750	360

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 14
Dãy số kiểm tra



BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ AN VUI TRỌN VẸN – QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Phí bảo hiểm cơ bản	Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Phí tích lũy	Phí bảo hiểm được phân bổ	Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng
43	72	20.000	20.000			19.700	300	46.260	360
44	73	20.000	20.000			19.700	300	50.840	360
45	74	20.000	20.000			19.700	300	55.780	360
46	75	20.000	20.000			19.700	300	61.180	360
47	76	20.000	20.000			19.700	300	67.120	360
48	77	20.000	20.000			19.700	300	73.650	360
49	78	20.000	20.000			19.700	300	80.640	360
50	79	20.000	20.000			19.700	300	88.160	360
51	80	20.000	20.000			19.700	300	96.250	360
52	81	20.000	20.000			19.700	300	105.010	360
53	82	20.000	20.000			19.700	300		
54	83	20.000	20.000			19.700	300		
55	84	20.000	20.000			19.700	300		
56	85	20.000	20.000			19.700	300		
57	86	20.000	20.000			19.700	300		
58	87	20.000	20.000			19.700	300		
59	88	20.000	20.000			19.700	300		
60	89	20.000	20.000			19.700	300		
61	90	20.000	20.000			19.700	300		
62	91	20.000	20.000			19.700	300		
63	92	20.000	20.000			19.700	300		

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 8 | 14
Dãy số kiểm tra



BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ AN VUI TRỌN VẸN – QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Phí bảo hiểm cơ bản	Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Phí tích lũy	Phí bảo hiểm được phân bổ	Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng
64	93	20.000	20.000			19.700	300		
65	94	20.000	20.000			19.700	300		
66	95	20.000	20.000			19.700	300		
67	96	20.000	20.000			19.700	300		
68	97	20.000	20.000			19.700	300		
69	98	20.000	20.000			19.700	300		
70	99	20.000	20.000			19.700	300		

- Chi phí bảo hiểm rủi ro được thể hiện trong bảng minh họa này dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc do tính chất nghề nghiệp. Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty.
- Quý khách cần phải đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của các khoản phí này đối với quyền lợi của mình.
- Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí của sản phẩm bổ sung sẽ không ảnh hưởng đến việc tính toán Giá trị tài khoản.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 9 | 14
Dãy số kiểm tra



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
AN VUI TRỌN VẸN – QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Giá trị tài khoản tại mức lãi suất cam kết		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Quyền lợi tử vong Do tai nạn (1)	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư (2)	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	tại mức lãi suất 5%/năm		tại mức lãi suất 7%/năm	
								Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD
1	30	20.000	1.000.000	2.000.000	250.000						
2	31	20.000	1.000.947	2.000.947	250.000		947		947		1.003
3	32	20.000	1.012.895	2.012.895	250.000		12.895		12.963		13.293
4	33	20.000	1.027.358	2.027.358	250.000		27.358		27.566		28.470
5	34	20.000	1.045.978	2.045.978	250.000		45.978		46.652		48.533
6	35	20.000	1.064.890	2.064.890	250.000		64.890		66.558		69.866
7	36	20.000	1.083.947	2.083.947	250.000		83.947		87.357		92.588
8	37	20.000	1.102.924	2.102.924	250.000		102.924		109.052		116.755
9	38	20.000	1.121.619	2.121.619	250.000		121.619		131.677		142.459
10	39	20.000	1.164.884	2.164.884	250.000	24.357	164.884	41.885	197.155	61.067	230.863
11	40	20.000	1.184.506	2.184.506	250.000		184.506		223.868		264.232
12	41	20.000	1.204.358	2.204.358	250.000		204.358		251.752		299.772
13	42	20.000	1.224.405	2.224.405	250.000		224.405		280.824		337.591
14	43	20.000	1.244.620	2.244.620	250.000		244.620		311.114		377.819
15	44	20.000	1.267.362	2.267.362	250.000	2.436	267.362	4.189	346.789	6.107	426.649
16	45	20.000	1.287.830	2.287.830	250.000		287.830		379.761		472.489
17	46	20.000	1.308.374	2.308.374	250.000		308.374		414.043		521.195
18	47	20.000	1.328.783	2.328.783	250.000		328.783		449.485		572.750
19	48	20.000	1.349.054	2.349.054	250.000		349.054		486.144		627.354
20	49	20.000	1.371.672	2.371.672	250.000	2.436	371.672	4.189	528.321	6.107	691.379

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 10 | 14

Dãy số kiểm tra



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
AN VUI TRỌN VẸN – QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Giá trị tài khoản tại mức lãi suất cam kết		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Quyền lợi tử vong Do tai nạn (1)	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư (2)	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	tại mức lãi suất 5%/năm		tại mức lãi suất 7%/năm	
								Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD
21	50	20.000	1.391.325	2.391.325	250.000		391.325		567.423		752.772
22	51	20.000	1.410.603	2.410.603	250.000		410.603		607.699		817.674
23	52	20.000	1.429.034	2.429.034	250.000		429.034		648.737		885.854
24	53	20.000	1.446.771	2.446.771	250.000		446.771		690.748		957.716
25	54	20.000	1.463.823	2.463.823	250.000		463.823		733.801		1.033.541
26	55	20.000	1.479.426	2.479.426	250.000		479.426		777.190		1.112.837
27	56	20.000	1.494.159	2.494.159	250.000		494.159		821.547		1.196.469
28	57	20.000	1.507.549	2.507.549	250.000		507.549		866.458		1.284.275
29	58	20.000	1.519.862	2.519.862	250.000		519.862		912.250		1.376.848
30	59	20.000	1.531.623	2.531.623	250.000		531.623		959.519		1.475.081
31	60	20.000	1.541.962	2.541.962	250.000		541.962		1.007.468		1.578.489
32	61	20.000	1.551.274	2.551.274	250.000		551.274		1.056.561		1.687.869
33	62	20.000	1.559.337	2.559.337	250.000		559.337		1.106.651		1.803.433
34	63	20.000	1.565.116	2.565.116	250.000		565.116		1.156.760		1.924.576
35	64	20.000	1.568.533	2.568.533	250.000		568.533		1.206.859		2.051.656
36	65	20.000	1.568.440	1.568.440			568.440		1.255.828		2.183.960
37	66	20.000	1.564.960	1.564.960			564.960		1.303.805		2.322.049
38	67	20.000	1.560.379	1.560.379			560.379		1.353.134		2.468.745
39	68	20.000	1.554.655	1.554.655			554.655		1.403.861		2.624.632
40	69	20.000	1.544.267	1.544.267			544.267		1.452.503		2.786.762

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 11 | 14

Dãy số kiểm tra



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
AN VUI TRỌN VẸN – QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Giá trị tài khoản tại mức lãi suất cam kết		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Quyền lợi tử vong Do tai nạn (1)	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư (2)	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	tại mức lãi suất 5%/năm		tại mức lãi suất 7%/năm	
								Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD
41	70	20.000	1.530.236	1.530.236			530.236		1.500.086		2.956.713
42	71	20.000	1.517.359	1.517.359			517.359		1.551.506		3.140.035
43	72	20.000	1.500.677	1.500.677			500.677		1.601.894		3.332.547
44	73	20.000	1.479.031	1.479.031			479.031		1.650.097		3.533.783
45	74	20.000	1.451.959	1.451.959			451.959		1.695.638		3.743.980
46	75	20.000	1.418.888	1.418.888			418.888		1.737.910		3.963.288
47	76	20.000	1.379.151	1.379.151			379.151		1.776.197		4.191.785
48	77	20.000	1.332.019	1.332.019			332.019		1.809.692		4.429.502
49	78	20.000	1.276.878	1.276.878			276.878		1.837.684		4.676.606
50	79	20.000	1.213.034	1.213.034			213.034		1.859.354		4.933.206
51	80	20.000	1.139.735	1.139.735			139.735		1.873.800		5.199.374
52	81	20.000	1.056.115	1.056.115			56.115		1.879.972		5.475.085
53	82	20.000	(*)	(*)	(*)		(*)		1.876.739		5.760.281
54	83	20.000							1.862.942		6.054.931
55	84	20.000							1.837.385		6.359.022
56	85	20.000							1.790.198		6.663.835
57	86	20.000							1.712.155		6.961.194
58	87	20.000							1.602.443		7.251.313
59	88	20.000							1.450.607		7.524.722
60	89	20.000							1.247.536		7.773.174

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 12 | 14

Dãy số kiểm tra



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
AN VUI TRỌN VẸN – QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Giá trị tài khoản tại mức lãi suất cam kết		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Quyền lợi tử vong Do tai nạn (1)	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư (2)	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	tại mức lãi suất 5%/năm		tại mức lãi suất 7%/năm	
								Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
61	90	20.000							985.093		7.989.290
62	91	20.000							656.182		8.166.634
63	92	20.000							254.808		8.299.795
64	93	20.000							(*)		8.383.554
65	94	20.000									8.411.350
66	95	20.000									8.375.292
67	96	20.000									8.266.075
68	97	20.000									8.072.871
69	98	20.000									7.784.075
70	99	20.000									7.387.870

Lưu ý:

- Trong mọi trường hợp, khách hàng chỉ nhận được một trong hai quyền lợi tử vong: Không do tai nạn hoặc do tai nạn. Quyền lợi tử vong do Tai nạn chỉ được chi trả khi Người được bảo hiểm tử vong do Tai nạn trong khoảng thời gian có kỳ Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn đã được đóng đầy đủ và đúng hạn.
- Quyền lợi bảo hiểm Ung thư đã được chi trả (nếu có) sẽ được khấu trừ trước khi chi trả Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc TTTB&VV.
- Giá trị tài khoản được thể hiện trong bảng là tổng Giá trị tài khoản tích lũy, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì hợp đồng được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
- (*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0
- Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 14
Dãy số kiểm tra



XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa này, tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm An Vui Tron Ven - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Chi phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm;
- Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu 5%/năm trong 2 năm hợp đồng đầu tiên, 2 năm hợp đồng tiếp theo là 4.5%/năm; từ năm hợp đồng thứ 5 đến năm hợp đồng thứ 8 lần lượt là 4%/năm; 3.5%/năm; 3%/năm; 2.5%/năm và bằng 2%/năm từ năm hợp đồng thứ 9 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.
- Tất cả các mức lãi suất thể hiện trong bảng minh họa là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo.
- Tham gia Hợp đồng An Vui Tron Ven là một cam kết dài hạn. Quý khách không nên duy trì Hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
- Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm tối thiểu theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả;
- Phí của (các) sản phẩm bổ sung được minh họa trên đây có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm.
- Bảng minh họa này chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang và là một phần của Hợp đồng bảo hiểm. Các quyền lợi được minh họa tại Bảng minh họa Hợp đồng bảo hiểm chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/ Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Ký tên

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm An Vui Tron Ven - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Ký tên

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 14

Dãy số kiểm tra



TRANG THAM KHẢO MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

AN VUI TRỌN VẸN – QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

(Bao gồm khoản thưởng đặc biệt vào năm hợp đồng thứ 2)

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Giá trị tài khoản tại mức lãi suất cam kết		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Quyền lợi tử vong Do tai nạn (1)	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư (2)	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	tại mức lãi suất 5%/năm		tại mức lãi suất 7%/năm	
								Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
1	30	20.000	1.000.000	2.000.000	250.000						
2	31	20.000	1.003.047	2.003.047	250.000		3.047		3.047		3.143
3	32	20.000	1.015.090	2.015.090	250.000		15.090		15.168		15.583
4	33	20.000	1.029.652	2.029.652	250.000		29.652		29.882		30.920
5	34	20.000	1.048.363	2.048.363	250.000		48.363		49.083		51.155
6	35	20.000	1.067.358	2.067.358	250.000		67.358		69.110		72.671
7	36	20.000	1.086.489	2.086.489	250.000		86.489		90.037		95.589
8	37	20.000	1.105.530	2.105.530	250.000		105.530		111.866		119.967
9	38	20.000	1.124.278	2.124.278	250.000		124.278		134.632		145.895
10	39	20.000	1.168.602	2.168.602	250.000	25.364	168.602	43.412	201.785	63.382	236.855
11	40	20.000	1.188.298	2.188.298	250.000		188.298		228.729		270.644
12	41	20.000	1.208.226	2.208.226	250.000		208.226		256.855		306.632
13	42	20.000	1.228.351	2.228.351	250.000		228.351		286.183		344.931
14	43	20.000	1.248.645	2.248.645	250.000		248.645		316.741		385.674
15	44	20.000	1.271.568	2.271.568	250.000	2.536	271.568	4.341	352.850	6.338	435.284
16	45	20.000	1.292.120	2.292.120	250.000		292.120		386.125		481.728
17	46	20.000	1.312.750	2.312.750	250.000		312.750		420.725		531.081
18	47	20.000	1.333.247	2.333.247	250.000		333.247		456.501		583.329

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM TRANG NÀY CHI CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 1 | 5
Dãy số kiểm tra



TRANG THAM KHẢO MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
AN VUI TRỌN VẸN – QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO
(Bao gồm khoản thưởng đặc biệt vào năm hợp đồng thứ 2)

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Giá trị tài khoản tại mức lãi suất cam kết		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
			Quyền lợi tử vong/TTTB&VV	Quyền lợi tử vong Do tai nạn (1)	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư (2)	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD
19	48	20.000	1.353.607	2.353.607	250.000		353.607		493.511		638.673
20	49	20.000	1.376.416	2.376.416	250.000	2.536	376.416	4.341	536.209	6.338	703.722
21	50	20.000	1.396.164	2.396.164	250.000		396.164		575.705		765.979
22	51	20.000	1.415.539	2.415.539	250.000		415.539		616.396		831.806
23	52	20.000	1.434.068	2.434.068	250.000		434.068		657.868		900.974
24	53	20.000	1.451.907	2.451.907	250.000		451.907		700.336		973.896
25	54	20.000	1.469.061	2.469.061	250.000		469.061		743.869		1.050.853
26	55	20.000	1.484.769	2.484.769	250.000		484.769		787.761		1.131.360
27	56	20.000	1.499.609	2.499.609	250.000		499.609		832.647		1.216.290
28	57	20.000	1.513.108	2.513.108	250.000		513.108		878.113		1.305.483
29	58	20.000	1.525.532	2.525.532	250.000		525.532		924.487		1.399.540
30	59	20.000	1.537.407	2.537.407	250.000		537.407		972.368		1.499.362
31	60	20.000	1.547.861	2.547.861	250.000		547.861		1.020.959		1.604.469
32	61	20.000	1.557.291	2.557.291	250.000		557.291		1.070.727		1.715.668
33	62	20.000	1.565.475	2.565.475	250.000		565.475		1.121.525		1.833.178
34	63	20.000	1.571.376	2.571.376	250.000		571.376		1.172.378		1.956.403
35	64	20.000	1.574.918	2.574.918	250.000		574.918		1.223.258		2.085.711
36	65	20.000	1.574.953	1.574.953			574.953		1.273.047		2.220.399

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM TRANG NÀY CHI CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 5
Dãy số kiểm tra



TRANG THAM KHẢO MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

AN VUI TRỌN VẸN – QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

(Bao gồm khoản thưởng đặc biệt vào năm hợp đồng thứ 2)

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Giá trị tài khoản tại mức lãi suất cam kết		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
			Quyền lợi tử vong/TTTB&VV	Quyền lợi tử vong Do tai nạn (1)	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư (2)	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
37	66	20.000	1.571.603	1.571.603			571.603		1.321.885		2.361.038
38	67	20.000	1.567.155	1.567.155			567.155		1.372.117		2.510.464
39	68	20.000	1.561.566	1.561.566			561.566		1.423.793		2.669.271
40	69	20.000	1.551.317	1.551.317			551.317		1.473.432		2.834.526
41	70	20.000	1.537.427	1.537.427			537.427		1.522.062		3.007.821
42	71	20.000	1.524.694	1.524.694			524.694		1.574.581		3.194.720
43	72	20.000	1.508.158	1.508.158			508.158		1.626.122		3.391.060
44	73	20.000	1.486.662	1.486.662			486.662		1.675.537		3.596.391
45	74	20.000	1.459.743	1.459.743			459.743		1.722.350		3.810.971
46	75	20.000	1.426.827	1.426.827			426.827		1.765.958		4.034.969
47	76	20.000	1.387.249	1.387.249			387.249		1.805.647		4.268.484
48	77	20.000	1.340.279	1.340.279			340.279		1.840.615		4.511.569
49	78	20.000	1.285.303	1.285.303			285.303		1.870.153		4.764.419
50	79	20.000	1.221.627	1.221.627			221.627		1.893.446		5.027.165
51	80	20.000	1.148.501	1.148.501			148.501		1.909.596		5.299.910
52	81	20.000	1.065.057	1.065.057			65.057		1.917.559		5.582.659
53	82	20.000	(*)	(*)	(*)		(*)		1.916.205		5.875.385
54	83	20.000							1.904.381		6.178.092

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM TRANG NÀY CHI CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 3 | 5
Dãy số kiểm tra



TRANG THAM KHẢO MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
AN VUI TRỌN VẸN – QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO
(Bao gồm khoản thưởng đặc biệt vào năm hợp đồng thứ 2)

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Giá trị tài khoản tại mức lãi suất cam kết		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
			Quyền lợi tử vong/TTTB&VV	Quyền lợi tử vong Do tai nạn (1)	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư (2)	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
55	84	20.000							1.880.896		6.490.804
56	85	20.000							1.835.884		6.804.842
57	86	20.000							1.760.126		7.112.071
58	87	20.000							1.652.813		7.412.752
59	88	20.000							1.503.495		7.697.461
60	89	20.000							1.303.068		7.958.006
61	90	20.000							1.043.402		8.187.060
62	91	20.000							717.406		8.378.248
63	92	20.000							319.094		8.526.222
64	93	20.000							(*)		8.625.831
65	94	20.000									8.670.586
66	95	20.000									8.652.674
67	96	20.000									8.562.874
68	97	20.000									8.390.447
69	98	20.000									8.123.881
70	99	20.000									7.751.462

Giá trị tài khoản thể hiện tại năm hợp đồng thứ 2 đã bao gồm khoản thưởng tương ứng với 10% Phí bảo hiểm cơ bản của năm hợp đồng đầu tiên dành cho khách hàng tham gia qua kênh Bảo hiểm liên kết ngân hàng với HSBC.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM TRANG NÀY CHI CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:
 Đại lý bảo hiểm:
 Mã số đại lý:
 Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 5
 Dãy số kiểm tra



XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/ Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Ký tên

Ngày/tháng/năm

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Ký tên

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM
TRANG NÀY CHI CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 5

Dãy số kiểm tra